|  |  |
| --- | --- |
| BỘ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XH  **TRƯỜNG ĐẠI HỌC**  **SƯ PHẠM KỸ THUẬT VINH** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

**CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-ĐHSPKTV, ngày / /2018*

*của Hiệu trưởng Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Vinh).*

|  |  |
| --- | --- |
| **Tên chương trình:** | **Chương trình đào tạo Cử nhân đại học Quản trị nhân lực** |
| **Trình độ đào tạo:** | Đại học |
| **Tên ngành đào tạo:** | Quản trị nhân lực |
| **Mã số:** | **7340404** |
| **Thời gian khóa học:** | **04 năm** |

**1. Mục tiêu:**

***1.1. Mục tiêu chung:***

-Chương trình được xây dựng nhằm đào tạo cử nhân Quản trị nhân lực có đủ kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp, phẩm chất chính trị, đạo đức, tác phong nghề nghiệp và sức khỏe để có thể làm việc hiệu quả trong lĩnh vực quản trị nguồn nhân lực tại doanh nghiệp trong nước, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, cơ quan quản lý nhà nước. Nhân lực được đào tạo có kiến chuyên ngành vững vàng, tác phong làm việc chuyên nghiệp, ngoại ngữ và tin học đáp ứng tốt các yêu cầu công việc của xã hội và điều kiện hội nhập kinh tế quốc tế.

- Sinh viên tốt nghiệp làm việc trong các loại hình doanh nghiệp, các đơn vị hành chính sự nghiệp và tham gia hoạch định các chính sách quản lý kinh tế của nhà nước…

***1.2. Mục tiêu cụ thể:*** Sau khi học xong chương trình này người học có khả năng:

***a. Về kiến thức:***

+ Có hiểu biết về những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác Lênin và Tư tưởng Hồ Chí Minh; Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam; có kiến thức khoa học xã hội – nhân văn, giáo dục thể chất và giáo dục Quốc phòng – An ninh để xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, có hiểu biết chung về các vấn đề kinh tế, chính trị, văn hóa và môi trường của Việt Nam và thế giới.

+ Có hiểu biết về công nghệ thông tin cơ bản; Sử dụng máy tính cơ bản; Xử lý văn bản cơ bản; Sử dụng bảng tính cơ bản; Sử dụng trình chiếu cơ bản; Sử dụng Internet cơ bản.

+ Có kiến thức thực tế về quản lý, nguyên tắc và phương pháp lập kế hoạch, tổ chức thực hiện và giám sát, đánh giá thực hiện công việc trong phạm vi của ngành Quản trị nhân lực.

 + Có kiến thức chuyên sâu về khoa học quản trị để ứng dụng vào công tác quản lý nhân sự tại các cơ quan, doanh nghiệp và phân tích các hoạt động kinh tế;

+ Có hiểu biết về hoạch định và thu hút nguồn nhân lực: Đánh giá mối quan hệ cung – cầu trên thị trường lao động và xây dựng kế hoạch nguồn nhân lực và sắp xếp bố trí nguồn nhân lực trong tổ chức nhằm đáp ứng nhu cầu nhân lực cho tổ chức.

+ Có hiểu biết quy trình phân tích công việc, quy trình xây dựng chương trình đào tạo nhân viên, hiểu biết phương pháp tạo dựng tổ chức học tập, quản trị tri thức, phát triển cá nhân và tổ chức.

+ Có kiến thức về tổ chức bộ máy quản trị nguồn nhân lực, phân tích công việc, kế hoạch hóa nguồn nhân lực, đánh giá thực hiện công việc, đào tạo, đãi ngộ, tuyển dụng và tạo động lực trong lao động.

***b. Về kỹ năng:***

+ Thu thập thông tin, phân tích, dự báo và lập các kế hoạch quản trị nhân sự trong các cơ quan, doanh nghiệp.

+ Phân tích công việc, kế hoạch hóa nguồn nhân lực trong mối quan hệ với các hoạt động khác của quản trị nhân sự; thiết kế được quy trình phân tích công việc, kế hoạch hóa nguồn nhân lực và phân bổ nguồn lực để thực hiện công việc này một cách hiệu quả; soạn thảo được bản mô tả công việc, bản tiêu chuẩn thực hiện công việc và bản yêu cầu đối với nhân viên; đưa ra các giải pháp cân đối cung và cầu lao động.

+ Nghiên cứu được các đề tài nghiên cứu khoa học trong lĩnh vực quản trị nhân lực đạt hiệu quả.

+ Có kỹ năng làm việc độc lập; làm việc nhóm, kỹ năng thuyết trình, đàm phán và giao tiếp tốt.

+ Sử dụng thành thạo công nghệ thông tin trong công việc và nghiên cứu.

+ Có khả năng sử dụng một ngoại ngữ trong giao tiếp và nghiên cứu tài liệu chuyên ngành.

***c. Về thái độ:***

- Tuân thủ các quy định của pháp luật

- Năng động, sáng tạo, biết đúc kết kinh nghiệm trong công việc để nghiên cứu, ứng dụng công nghệ hiện đại vào lĩnh vực quản trị nhân sự.

- Thể hiện thái độ và hành vi chuẩn mực đối với đồng nghiệp, đối tác và khách hàng.

- Có tinh thần trách nhiệm và tác phong chuyên nghiệp trong công việc

- Có thái độ tập trung, sẵn sàng học hỏi và có tinh thần cầu tiến.

***d****.* ***Vị trí làm việc của người học sau khi tốt nghiệp:***

- Chuyên viên hoạch định và tuyển dụng, đào tạo và phát triển nguồn nhân lực, đánh giá hiệu quả làm việc của nhân viên, quản trị tiền lương, quan hệ lao động, tư vấn nhân sự, chăm sóc nhân viên;

- Chuyên viên phòng Nhân sự của các doanh nghiệp thuộc tất cả các ngành nghề; - Chuyên viên trong các công ty tư vấn, đào tạo, dịch vụ việc làm, các công ty chuyên về tuyển dụng và cung ứng lao động…;

- Chuyên viên các cơ quan quản lý nhà nước ở các địa phương như Sở Kế hoạch và đầu tư, Sở Lao động – Thương binh – xã hội, Phòng Lao động của các Quận, Huyện, Thành thị…

  - Làm giảng viên giảng dạy tại các trường đại học, cao đẳng.

- Cán bộ nghiên cứu về quản trị nhân lực tại các cơ sở đào tạo, viện nghiên cứu và doanh nghiệp.

***e. Trình độ Ngoại ngữ***

- Sinh viên sau khi tốt nghiệp đạt chuẩn đầu ra Tiếng Anh tương đương bậc 3 theo Thông tư 01/2014/TT-BGD&ĐT quy định về Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam (quy đổi tương đương sang một số chứng chỉ ngoại ngữ khác theo Thông tư số 05/2012/TT- BGDĐT ngày 15 tháng 2 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo).

- Có thể hiểu được các ý chính của một đoạn văn hay bài phát biểu chuẩn mực, rõ ràng bằng Tiếng Anh về các chủ đề quen thuộc trong công việc, trường học, giải trí…

- Có thể xử lý hầu hết các tình huống xẩy ra khi đến khu vực sử dụng ngôn ngữ đó. Có thể viết đoạn văn đơn giản liên quan đến các chủ đề quen thuộc hoặc cá nhân quan tâm. Có thể mô tả được những kinh nghiệm, sự kiện, giấc mơ, hy vọng hoài bão và có thể trình bày ngắn gọn các lý do, giải thích ý kiến và kế hoạch của mình.

- Có khả năng giao tiếp tốt các vấn đề trong lĩnh vực quản trị nhân lực.

***g. Trình độ Tin học***

- Hiểu biết về công nghệ thông tin cơ bản, sử dụng máy tính, xử lý văn bản Word, sử dụng bảng tính Excel, sử dụng trình chiếu Powerpoint, sử dụng Internet.

- Có khả năng sử dụng một số phần mềm trong lĩnh vực quản trị.

**2. Chuẩn đầu ra:**

***2.1. Kiến thức:***

* Kiến thức chung

+ Có hiểu biết về những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác Lênin và Tư tưởng Hồ Chí Minh; Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam; có kiến thức khoa học xã hội – nhân văn, giáo dục thể chất và giáo dục Quốc phòng – An ninh để xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, có hiểu biết chung về các vấn đề kinh tế, chính trị, văn hóa và môi trường của Việt Nam và thế giới.

+ Có kiến thức  về khoa học cơ bản, khoa học tự nhiên phù hợp chuyên ngành đào tạo để tiếp thu các kiến thức chuyên ngành và tiếp tục học ở các bậc học cao hơn.

+ Có hiểu biết về công nghệ thông tin cơ bản; Sử dụng máy tính cơ bản; Xử lý văn bản cơ bản; Sử dụng bảng tính cơ bản; Sử dụng trình chiếu cơ bản; Sử dụng Internet cơ bản.

+ Hiểu được các ý chính của một đoạn văn hay bài phát biểu chuẩn mực, rõ ràng bằng tiếng Anh về các chủ đề quen thuộc trong công việc, trường học, giải trí, v.v... Có thể xử lý hầu hết các tình huống xảy ra khi đến khu vực có sử dụng ngôn ngữ bằng tiếng Anh. Có thể viết đoạn văn đơn giản bằng tiếng Anh liên quan đến các chủ đề quen thuộc hoặc cá nhân quan tâm. Có thể mô tả được bằng tiếng Anh những kinh nghiệm, sự kiện, giấc mơ, hy vọng, hoài bão và có thể trình bày ngắn gọn các lý do, giải thích ý kiến và kế hoạch của mình.

- Kiến thức chuyên ngành

 + Có kiến thức chuyên sâu về quản trị nhân lực để ứng dụng vào công tác quản lý nhân sự tại các cơ quan, doanh nghiệp;

+ Hiểu biết về nguồn nhân lực, xử lý các công việc hằng ngày, nắm bắt mối quan hệ tương tác giữa con người với con người, triển khai những công tác về điều hành, quản lý hành chính, nhân sự, thực hiện các chính sách lao động, các kiến thức liên quan đến quy trình đánh giá nhân lực, quản trị nhân sự, tuyển dụng và đào tạo nhân sự, các nguyên lý quản trị kinh tế.

+ Có kiến thức về tổ chức bộ máy quản lý nguồn nhân lực; quy trình đánh giá hoạt động và trả lương, các nguyên tắc quản lý nhân sự cơ bản và nâng cao, quy trình ký kết hợp đồng lao động và thỏa ước lao động tập thể…

***2.2. Kỹ năng:***

- Xây dựng kế hoạch tuyển dụng nhân sự, quản lý con người.

- Hoạch định, tuyển dụng, đào tạo, đánh giá nguồn nhân lực chuyên nghiệp và hiện đại;

- Có kỹ năng làm việc độc lập; làm việc nhóm, làm việc có kế hoạch, khoa học và một số kỹ năng quản lý và lãnh đạo.

           - Có kỹ năng giao tiếp, giải quyết vấn đề, nghệ thuật lãnh đạo…

***2.3. Năng lực tự chủ và trách nhiệm:***

  - Có phẩm chất đạo đức tốt; chấp hành nghiêm chỉnh chủ trương, chính sách của Đảng và Pháp luật của Nhà nước.

- Cam kết, tuân thủ nội quy, quy định của Nhà nước

- Có tinh thần hợp tác làm việc nhóm, thái độ thiện chí trong việc giải quyết các vấn đề liên quan đến công việc

**3. Khối lượng kiến thức, kỹ năng toàn khóa:**

- Khối lượng toàn khóa học: 136 tín chỉ ;

- Khối lượng giáo dục đại cương: 41 tín chỉ ;

- Khối lượng giáo dục chuyên nghiệp: 95 tín chỉ;

- Khối lượng lý thuyết: 756 tiết (giờ); Thực hành, thực tập, thí nghiệp: 1554 tiết (giờ);

( không bao gồm khối kiến thức giáo dục đại cương ).

**4. Đối tượng tuyển sinh:** Học sinh tốt nghiệp THPT hoặc tương đương.

**5. Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp:**

Thực hiện theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và hướng dẫn thực hiện quy chế đào tạo của Trường ĐHSP Kỹ thuật Vinh.

**6. Cách thức đánh giá:**

Thực hiện theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và hướng dẫn thực hiện quy chế đào tạo của Trường ĐHSP Kỹ thuật Vinh.

**7.** **Nội dung chương trình:**

**7.1. Các HP/MĐ và khối lượng kiến thức:**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Mã HP/MĐ** | **Tên HP/MĐ** | **Khối lượng kiến thức** | | | | **Ghi chú** |
| **Số TC** | **Tổng số giờ** | **Giờ lý thuyết** | **Giờ thực hành**  **(TH, TN, BT, TL)** |
| **I** | **Giáo dục đại cương:** | | **41** | **615** | **436** | **179** |  |
| 1 | 2ML001DC | Những NLCB của chủ nghĩa Mác – Lênin | 5 | 75 | 53 | 22 |  |
| 2 | 2ML002DC | Tư tưởng Hồ Chí Minh | 2 | 30 | 21 | 9 |  |
| 3 | 2ML003DC | Đường lối CM của Đảng CSVN | 3 | 45 | 32 | 13 |  |
| 4 | 2TQ001DC | Giáo dục Quốc phòng – An ninh 1 | 3 | 45 | 45 | 0 |  |
| 5 | 2TQ002DC | Giáo dục Quốc phòng – An ninh 2 | 2 | 30 | 30 | 0 |  |
| 6 | 2TQ003DC | Giáo dục Quốc phòng – An ninh 3 | 3 | 45 | 23 | 22 |  |
| 7 | 2TQ007DC | Giáo dục thể chất 1 (TD+ĐK) | 2 | 30 | 9 | 21 |  |
| 8 | 2TQ008DC | Giáo dục thể chất 2 (Bóng chuyền) | 1 | 15 | 5 | 10 |  |
| 9 | 2TN001DC | Nhập môn tin học | 2 | 30 | 22 | 8 |  |
| 10 | 2ML004DC | Pháp luật đại cương | 2 | 30 | 22 | 8 |  |
| 11 | 2DC004DC | Toán cao cấp 1 | 2 | 30 | 19 | 11 |  |
| 12 | 2DC007DC | Xác suất thống kê | 2 | 30 | 20 | 10 |  |
| 13 | 2KT001DC | Nhập môn quản trị học | 2 | 30 | 21 | 9 |  |
| 14 | 2NN001DC | Tiếng anh cơ bản 1 | 2 | 30 | 30 | 0 |  |
| 15 | 2NN002DC | Tiếng anh cơ bản 2 | 2 | 30 | 22 | 8 |  |
| 16 | 2NN004DC | Tiếng anh chuyên ngành kinh tế | 2 | 30 | 30 | 0 |  |
| 17 | 1SP521DC | Nhập môn logic học | 2 | 30 | 22 | 8 |  |
| 18 | 2SP003DC | Kỹ năng mềm | 2 | 30 | 10 | 20 |  |
| **II** | **Giáo dục chuyên nghiệp:** | | **95** | **2310** | **756** | **1554** |  |
| **II.1** | **Cơ sở ngành** | | **25** | **375** | **252** | **123** |  |
|  | **Cơ sở ngành (bắt buộc):** | | **17** | **255** | **171** | **84** |  |
| 19 | 3KT102CD | Kinh tế vi mô | 2 | 30 | 20 | 10 |  |
| 20 | 3KT101DH | Kinh tế vĩ mô | 2 | 30 | 22 | 8 |  |
| 21 | 3KT143DH | Tâm lý lao động | 3 | 45 | 30 | 15 |  |
| 22 | 3KT116CD | Lịch sử các học thuyết kinh tế | 2 | 30 | 20 | 10 |  |
| 23 | 3KT144DH | Kinh tế nguồn nhân lực | 3 | 45 | 30 | 15 |  |
| 24 | 3KT111CD | Văn hóa kinh doanh | 2 | 30 | 21 | 9 |  |
| 25 | 3KT145DH | Nguồn nhân lực | 3 | 45 | 30 | 15 |  |
|  | **Cơ sở ngành (Tự chọn):** | | **8** | **120** | **81** | **39** |  |
| 26 |  | *Chọn 01 trong 02 HP sau:* |  |  |  |  |  |
| 26.1 | 3KT112CD | Lịch sử kinh tế quốc dân | 2\* | 30 | 20 | 10 |  |
| 26.2 | 3KT146DH | Hành vi tổ chức | 2\* | 30 | 20 | 10 |  |
| 27 |  | *Chọn 01 trong 02 HP sau:* |  |  |  |  |  |
| 27.1 | 3KT147DH | Kinh tế môi trường | 2\* | 30 | 20 | 10 |  |
| 27.2 | 3KT103CD | Marketing căn bản | 2\* | 30 | 20 | 10 |  |
| 28 |  | *Chọn 01 trong 02 HP sau:* |  |  |  |  |  |
| 28.1 | 3KT109CD | Kinh tế phát triển | 2\* | 30 | 21 | 9 |  |
| 28.2 | 3KT143CD | Quản trị thương hiệu | 2\* | 30 | 22 | 8 |  |
| 29 |  | *Chọn 01 trong 02 HP sau:* |  |  |  |  |  |
| 29.1 | 3KT103DH | Thị trường chứng khoán | 2 | 30 | 20 | 10 |  |
| 29.2 | 3KT105DH | Lý thuyết bảo hiểm | 2\* | 30 | 20 | 10 |  |
| **II.2** | **Chuyên ngành** | | **45** | **810** | **409** | **401** |  |
|  | **Chuyên ngành (bắt buộc):** | | **43** | **780** | **387** | **393** |  |
| 30 | 3KT209CD | Quản trị nhân lực | 3 | 90 | 30 | 60 |  |
| 31 | 3KT148DH | Quan hệ lao động | 3 | 45 | 27 | 18 |  |
| 32 | 3KT149DH | Tổ chức và định mức lao động | 3 | 45 | 30 | 15 |  |
| 33 | 3KT150DH | Hoạch định nguồn nhân lực | 3 | 45 | 27 | 18 |  |
| 34 | 3KT151DH | Tuyển chọn và sử dụng nhân lực | 3 | 45 | 27 | 18 |  |
| 35 | 3KT152DH | Bài tập lớn Tuyển chọn và sử dụng nhân lực | 1 | 30 | 0 | 30 |  |
| 36 | 3KT153DH | Quản trị thực hiện công việc | 3 | 45 | 27 | 18 |  |
| 37 | 3KT154DH | Đào tạo nhân lực | 3 | 45 | 27 | 18 |  |
| 38 | 3KT155DH | Quản trị tiền công, tiền lương trong doanh nghiệp | 3 | 45 | 27 | 18 |  |
| 39 | 3KT156DH | Quản lý nhà nước về lao động | 3 | 45 | 27 | 18 |  |
| 40 | 3KT208CD | Quản trị doanh nghiệp | 3 | 90 | 30 | 60 |  |
| 41 | 3KT207DH | Bài tập lớn Quản trị doanh nghiệp | 1 | 30 | 0 | 30 |  |
| 42 | 3KT157DH | Quản lý nguồn nhân lực | 3 | 45 | 27 | 18 |  |
| 43 | 3KT139DH | Quản trị văn phòng | 3 | 45 | 27 | 18 |  |
| 44 | 3KT158DC | Quản trị chiến lược | 3 | 45 | 27 | 18 |  |
| 45 | 3KT158DH | Kinh tế lao động | 2 | 45 | 27 | 18 |  |
|  | **Chuyên ngành (tự chọn):** | | **2** | **30** | **22** | **8** |  |
| 46 |  | *Chọn 01 trong 02 HP sau:* |  |  |  |  |  |
| 46.1 | 3KT159DH | Quản trị nhóm làm việc | 2\* | 30 | 22 | 8 |  |
| 46.2 | 3KT140DC | Quản trị chất lượng | 2\* | 60 | 20 | 40 |  |
| **II.3** | **Tốt nghiệp:** | | **25** | **1125** | **95** | **1.030** |  |
| 47 | 3KT211DH | Thực tập sản xuất tại doanh nghiệp (hoặc Thực tập nghề nghiệp) | 9 | 405 | 40 | 365 |  |
| 48 | 3KT212DH | Thực tập tốt nghiệp | 9 | 405 | 40 | 365 |  |
| 49 | 3KT213DH | Đồ án/ luận văn tốt nghiệp | 7 | 315 | 15 | 300 |  |
|  | 3KT214DH | Tiểu luận tốt nghiệp (dành cho SV không được giao làm luận văn tốt nghiệp) | 7 | 315 | 15 | 300 |  |
| **III** | **Môn học thay thế (cho SV nước ngoài):** | | **8** | **120** | **62** | **58** |  |
| 50 | 3SP001DC | Tiếng Việt nâng cao 1 *(thay thế Tiếng Anh cơ bản 1)* | 2 | 30 | 10 | 20 |  |
| 51 | 3SP002DC | Tiếng Việt nâng cao 2 *(thay thế Tiếng Anh cơ bản 2)* | 2 | 30 | 10 | 20 |  |
| 52 | 3ML002DC | Văn hóa Việt Nam *(thay thế Tiếng Anh chuyên ngành)* | 2 | 30 | 21 | 9 |  |
| 53 | 3ML003DC | Lịch sử Việt Nam *(thay thế giáo dục QP – AN)* | 2 | 30 | 21 | 9 |  |

**7.2. Nội dung cần đạt được của từng học phần (mô tả tóm tắt):**

**1. Nguyên lý cơ bản của CN Mác - Lênin: 5 TC**

**-** Điều kiện tiên quyết: Không

**-** Nội dung: Học phần cung cấp các kiến thức cơ bản về: Thế giới quan và phương pháp luận triết học của chủ nghĩa Mác-Lênin; Học thuyết kinh tế của chủ nghĩa Mác-Lênin về phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa; Học thuyết của chủ nghĩa Mác-Lênin về chủ nghĩa xã hội

**2. Tư tưởng Hồ Chí Minh: 2 TC**

**-** Điều kiện tiên quyết: Những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác-Lênin

**-** Nội dung: Học phần cung cấp những hiểu biết có tính hệ thống về tư tưởng, đạo đức, giá trị văn hóa Hồ Chí Minh: Cung cấp những kiến thức cơ bản về chủ nghĩa Mác- Lênin; Tạo lập những hiểu biết về nền tảng tư tưởng, kim chỉ nam hành động của Đảng và của cách mạng nước ta; Góp phần xây dựng nền tảng đạo đức con người mới

**3. Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam: 3 TC**

**-** Điều kiện tiên quyết: Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin

**-** Nội dung: Học phần cung cấp những nội dung cơ bản của đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam, trong đó chủ yếu tập trung vào đường lối của Đảng trong thời kỳ đổi mới trên một số lĩnh vực cơ bản của đời sống xã hội

**4. Giáo dục QP-AN 1 (Đường lối quân sự của Đảng) 3TC**

- Điều kiện tiên quyết: Không

- Nội dung: Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về chiến tranh, quân đội và bảo vệ Tổ quốc; nhận thức đúng về nguồn gốc, bản chất chiến tranh; các quan điểm của Đảng về xây dựng nền quốc phòng toàn dân, lực lượng vũ trang nhân dân để tiến hành chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc Việt Nam XHCN.

Giúp sinh viên bước đầu tìm hiểu nghệ thuật đánh giặc của ông cha ta và nghệ thuật quân sự Việt Nam từ khi có Đảng.

Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về chiến tranh, quân đội và bảo vệ Tổ quốc; nhận thức đúng về nguồn gốc, bản chất chiến tranh; các quan điểm của Đảng về xây dựng nền quốc phòng toàn dân, lực lượng vũ trang nhân dân để tiến hành chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc Việt Nam XHCN.Giúp sinh viên bước đầu tìm hiểu nghệ thuật đánh giặc của ông cha ta và Nghệ thuật quân sự Việt nam từ khi có đảng lãnh đạo.

**5. Giáo dục QP-AN 2 (Công tác quốc phòng, an ninh) 2TC**

- Điều kiện tiên quyết: Không

- Nội dung: Giúp sinh viên nhận thức được âm mưu thủ đoạn của các thế lực thù địch đối với cách mạng Việt Nam trong giai đoạn hiện nay, trên cơ sở đó đấu tranh, phòng chống chiến lược "diễn biến hòa bình", bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch; đấu tranh phòng chống địch lợi dụng vấn đề dân tộc và tôn giáo chống phá cách mạng Việt Nam để giữ gìn an ninh chính trị và bảo vệ toàn vẹn lãnh thổ Việt Nam XHCN.

**6. Giáo dục QP-AN 3 (Quân sự chung và chiến thuật, kỹ thuật bắn súng tiểu liên AK - CKC) 3TC**

- Điều kiện tiên quyết: Không

- Nội dung: Trang bị cho sinh viên kiến thức chung về quân sự phổ thông, những kỹ năng quân sự cần thiết nhằm đáp ứng yêu cầu xây dựng, củng cố lực lượng vũ trang nhân dân, sẵn sàng tham gia lực lượng dân quân tự vệ, dự bị động viên và thực hiện nghĩa vụ quân sự bảo vệ Tổ quốc.Hiểu biết và sử dụng được một số loại phương tiện, vũ khí thông thường; có kiến thức về chiến thuật bộ binh; biết cách phòng, tránh vũ khí hủy diệt lớn và thành thạo kỹ thuật băng bó, chuyển thương.

**7. Giáo dục thể chất 1 (thể dục + điền kinh) 2 TC**

- Điều kiện tiên quyết: Không

- Nội dung: Hiểu rõ vị trí, ý nghĩa, tác dụng của Giáo dục thể chất đối với con người nói chung, đối với người học nghề và người lao động nói riêng; Nắm vững được một số kiến thức cơ bản và phương pháp tập luyện của các môn thể dục thể thao được quy định trong chương trình, trên cơ sở đó tự rèn luyện sức khỏe trong quá trình học tập, lao động sản xuất.

**8. Giáo dục thể chất 2 (bóng chuyền) 1 TC**

- Điều kiện tiên quyết: Không

- Nội dung: Hiểu rõ vị trí, ý nghĩa, tác dụng của Giáo dục thể chất đối với con người nói chung, đối với người học nghề và người lao động nói riêng. Trên cơ sở nắm vững kỹ thuật, phương pháp tập luyện và thi đấu môn Bóng chuyền theo nội dung chương trình, giúp sinh viên biết vận dụng chúng trong các hoạt động vui chơi giải trí cũng như trong quá trình tự rèn luyện; Phát triển một cách toàn diện các tố chất thể lực, giáo dục tính tự giác, tích cực, ý thức tổ chức kỷ luật và đặc biệt là thói quen tập luyện TDTT thường xuyên trong sinh viên, góp phần cùng với Nhà trường đào tạo nên lớp người có ý chí, phẩm chất đạo đức, sức khỏe tốt, không bệnh tật phục vụ cho công cuộc xây dựng và bảo vệ tổ quốc.

**9. Nhập môn tin học 2 TC**

- Điều kiện tiên quyết: Không

- Nội dung: Trang bị cho sinh viên kiến thức cơ bản về tin học và kỹ năng sử dụng tin học văn phòng, bao gồm: nắm vững các khái niệm cơ bản trong tin học ; kỹ năng sử dụng các chức năng thao tác cơ bản về: Hệ điều hành Windows, Microsoft Word, Microsoft Excel; biết sử dụng Intenet, phòng chống và diệt Virút tin học.

**10. Pháp luật đại cương 2 TC**

- Điều kiện tiên quyết: Không

- Nội dung: Cung cấp các kiến thức về những vấn đề cơ bản của nhà nước và pháp luật nói chung, các ngành luật cụ thể của hệ thống pháp luật Việt Nam nói riêng. Thể hiện đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước trong việc tăng cường giáo dục pháp luật ở mỗi cá nhân, công dân.

**11. Toán cao cấp 1: 2 TC**

- Điều kiện tiên quyết: Không

- Học phần cung cấp kiến thức đại cương về tập hợp, quan hệ và logic suy luận cũng như các kiến thức cơ bản về Đại số tuyến tính và Giải tích toán học thực sự cần thiết cho việc tiếp cận với các mô hình phân tích quá trình ra quyết định trong kinh tế và quản lý: Không gian vectơ số học n chiều; Ma trận và định thức; Hệ phương trình tuyến tính; Dạng toàn phương; Hàm số và giới hạn; Phép tính vi phân đối với hàm số một biến số; Hàm nhiều biến và hàm ẩn; Các bài toán cực trị; Phép tính tích phân; Phương trình vi phân; Phương trình sai phân.

**12. Xác suất thống kê  2 TC**

- Điều kiện tiên quyết: Không

- Nội dung: Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về lý thuyết xác suất và thống kê toán học, làm công cụ để học tập, nghiên cứu các môn học chuyên ngành, đồng thời ứng dụng vào việc phân tích và xử lý số liệu thực nghiệm. Sau khi học xong học phần này, sinh viên có kỹ năng ứng dụng các kiến thức cơ bản về lý thuyết xác suất, giải được các dạng toán về các công thức xác suất; các đặc trưng của đại lượng ngẫu nhiên, véctơ ngẫu nhiên; luật số lớn, định lý giới hạn trung tâm; Mẫu, các đặc trưng mẫu; các bài toán cơ bản của lý thuyết thống kê như: Bài toán ước lượng khoảng, kiểm định giả thuyết thống kê, bài toán phân tích tương quan, hồi quy.

**13. Nhập môn quản trị học: 2TC**

**-** Điều kiện tiên quyết: Không

**- Nội dung:** Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về quản trị, môi trường quản trị, các lý thuyết quản trị; các chức năng của quản trị; Hoạch định, tổ chức, lãnh đạo và kiểm tra. Những kiến thức chung về môi trường tổ chức, vấn đề ra quyết định, sự phát triển của tư tưởng quản trị. Từ đó giúp sinh viên phát triển kỹ năng chuyên môn và kiến thức tổng quát về hoạt động quản trị kinh doanh trong tổ chức.

**14. Tiếng Anh cơ bản 1 2TC**

- Điều kiện tiên quyết: Không

- Nội dung: Có thể hiểu, sử dụng các cấu trúc quen thuộc thường nhật; các từ ngữ cơ bản đáp ứng nhu cầu giao tiếp cụ thể. Có thể tự giới thiệu bản thân và người khác; có thể trả lời những thông tin về bản thân như nơi sinh sống, người thân/bạn bè v.v… Có thể giao tiếp đơn giản nếu người đối thoại nói chậm, rõ ràng và sẵn sàng hợp tác giúp đỡ.

**15. Tiếng Anh cơ bản 2 2TC**

- Điều kiện tiên quyết: Tiếng Anh cơ bản 1

- Nội dung: Có thể hiểu được các câu và cấu trúc được sử dụng thường xuyên liên quan đến nhu cầu giao tiếp cơ bản (như các thông tin về gia đình, bản thân, đi mua hàng, hỏi đường, việc làm); Có thể trao đổi thông tin về những chủ đề đơn giản, quen thuộc hằng ngày; Có thể mô tả đơn giản về bản thân, môi trường xung quanh và những vấn đề thuộc nhu cầu thiết yếu.

**16. Tiếng anh chuyên ngành kinh tế 2TC**

- Điều kiện tiên quyết: Không

- Nội dung: Cung cấp cho sinh viên từ vựng Tiếng Anh liên quan đến lĩnh vực kinh tế; Nắm được các nội dung về kinh tế vi mô, kinh tế vĩ mô, kinh tê thị trường, tiền tệ và chức năng của nó; Nắm được kiến thức về tài chính, kiểm toán và kế hoạch kinh doanh.

**17. Nhập môn logic học 2TC**

- Điều kiện tiên quyết: Không

- Nội dung: Những vấn đề chung của logic học; Các hình thức và quy luật lôgic cơ bản của tư duy; Giả thuyết, chứng minh và bác bỏ.

**18. Kỹ năng mềm 2TC**

- Điều kiện tiên quyết: Không

- Nội dung: Giới thiệu nội dung, yêu cầu, quy trình thực hiện một số kỹ năng mềm như:

kỹ năng thuyết trình, kỹ năng giao tiếp, kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng lập kế hoạch, kỹ năng học tập ở đại học và kỹ năng xin việc; Trên cơ sở đó hình thành ở sinh viên các kỹ năng tương ứng để họ có thể thích ứng với cuộc sống, học tập và nghề nghiệp cũng như tích cực tham gia các hoạt động xã hội.

**19. Kinh tế vi mô 2TC**

- Điều kiện tiên quyết: Không

- Nội dung: Những nội dung cơ bản của học phần: Kinh tế học vi mô và những vấn đề kinh tế cơ bản của doanh nghiệp; cung cầu và giá cả hàng hóa; hành vi của doanh nghiệp và người tiêu dùng; lý thuyết về các loại hình thị trường và sự lựa chọn tối ưu của doanh nghiệp; và vai trò của chính phủ trong nền kinh tế thị trường tác động đến hoạt động kinh tế vi mô.

**20. Kinh tế vĩ mô 2TC**

- Điều kiện tiên quyết: Không

- Nội dung: Giới thiệu một số khái niệm cơ bản của kinh tế vĩ mô, bao gồm: Đo lường tổng sản lượng và mức giá của nền kinh tế; mô tả hành vi của nền kinh tế trong dài hạn: các nhân tố quy định tăng trưởng kinh tế, thất nghiệp và lạm phát trong dài hạn; giới thiệu những tư tưởng chính trong tổng cung, tổng cầu và cân bằng kinh tế vĩ mô; lạm phát và thất nghiệp trong ngắn hạn; giới thiệu các vấn đề kinh tế vĩ mô của một nền kinh tế mở bao gồm cán cân thanh toán, tỉ giá hối đoái và các chính sách thương mại.

**21. Tâm lý lao động**  **3TC**

- Điều kiện tiên quyết: Không

- Nội dung: Trang bị cho sinh viên những kiến thức về tâm lý học học của việc tổ chức quá trình lao động; tập thể và các hiện tượng tâm lý tác động trong tập thể; tâm lý học an toàn lao động, cơ sở tâm lý của nhóm, đặc điểm tâm lý của lao động quản lý và kích thích tâm lý người lao động. Từ đó đưa ra các thể chế lao động hợp lý nhằm sử dụng có hiệu quả người lao động và mang lại hạnh phúc cho họ.

**22. Lịch sử các học thuyết kinh tế 3TC**

- Điều kiện tiên quyết:  không

- Nội dung: Trang bị những kiến thức về quá trình phát triển của các học thuyết kinh tế cơ bản, có ảnh hưởng đến sự phát triển của các lý thuyết kinh tế hiện đại. Giúp cho sinh viên hiểu rõ nguồn gốc của các lý thuyết kinh tế chính thống, thấy được tính đa dạng của các học thuyết kinh tế, đồng thời cung cấp những kiến thức kinh tế khác nhau để ứng dụng vào thực tiễn, phù hợp với điều kiện và hoàn cảnh cụ thể.

**23. Kinh tế nguồn nhân lực 3TC**

- Điều kiện tiên quyết:  không

- Nội dung: trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về nguồn nhân lực, vai trò của nguồn nhân lực trong phát triển kinh tế, vận dụng các kiến thức của môn học để phân tích và đánh giá các vấn đề chủ yếu, như: đào tạo và phát triển, năng suất lao động; xây dựng các chính sách về kinh tế nguồn nhân lực trong điều kiện thực tiễn tại Việt Nam.

**24.Văn hóa kinh doanh 2TC**

- Điều kiện tiên quyết:  không

- Nội dung: Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về văn hoá kinh doanh và những kỹ năng cần thiết để tổ chức, ứng dụng và phát triển các kiến thức về văn hoá kinh doanh trong hoạt động kinh tế, kinh doanh. Từ đó giúp sinh viên biết cách thức xây dựng văn hóa doanh nghiệp mình nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh trong điều kiện hội nhập.

**25. Nguồn nhân lực 3TC**

- Điều kiện tiên quyết:  không

- Nội dung: Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về nguồn nhân lực: Những đặc điểm chủ yếu của nguồn nhân lực Việt Nam; Đào tạo nguồn nhân lực; Phát triển nguồn nhân lực trình độ cao trong nền kinh tế thị trường.

**26. Môn tự chọn A**

**26.1. Lịch sử kinh tế quốc dân 2TC**

- Điều kiện tiên quyết: Không

- Nội dung: Lịch sử kinh tế quốc dân nghiên cứu các giai đoạn trong quá trình phát triển kinh tế của các nhóm nước như các nước TBCN, các nước XHCN, các nước đang phát triển. Cung cấp những dẫn chứng thực tiễn về mối quan hệ giữa LLSX và QHSX của các nước trong từng giai đoạn phát triển cụ thể, xem xét các chính sách can thiệp của chính phủ vào nền kinh tế trong các thời kỳ này. Trên cơ sở đó, sinh viên có thể rút ra được những quy luật và bài học kinh nghiệm cho Việt Nam.

**26.2. Hành vi tổ chức 2TC**

- Điều kiện tiên quyết: Không

- Nội dung: Học phần sẽ giúp sinh viên hiểu được những kiến thức Học phần Hành vi tổ chức nghiên cứu về những hành vi cá nhân trong tổ chức, những thay đổi, xung đột về hành vi cá nhân, nhóm, tổ chức chuẩn bị cho mình những kỹ năng, kinh nghiệm cũng như thái độ tự tin và phù hợp với nhu cầu của doanh nghiệp trong và ngoài nước để tự tin bước vào môi trường làm việc cũng như phát triển bản thân trong các tổ chức.

**27. Môn tự chọn B**

**27.1. Kinh tế môi trường 2TC**

- Điều kiện tiên quyết: Không.

- Nội dung: Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về kinh tế học môi trường ; môi trường và phát triển; kinh tế học chất lượng môi trường; đánh giá tác động môi trường và phân tích kinh tế của những tác động môi trường; Khan hiếm tài nguyên, dân số, kinh tế và môi trường; Quản lý môi trường.

**27.2.** **Makerting căn bản: 2TC**

- Điều kiện tiên quyết: Không

- Nội dung: Học phần cung cấp những hiểu biết và kiến thức căn bản về những nguyên lý Marketing và sự vận dụng chúng vào thực tiễn doanh nghiệp như: hệ thống thông tin và nghiên cứu Marketing; Môi trường Marketing và thị trường các doanh nghiệp; Nhận dạng nhu cầu và hành vi khách hàng; phương pháp luận nghiên cứu Marketing và nguyên lý ứng xử của doanh nghiệp với thị trường, gồm các chiến lược thị trường, các chính sách Marketing căn bản và tổ chức quản lý Marketing của doanh nghiệp.

**28. Môn tự chọn C**

**28.1. Kinh tế phát triển 2TC**

- Điều kiện tiên quyết: Không

- Nội dung: Trang bị cho sinh viên các kiến thức cơ bản về kinh tế học trong điều kiện cụ thể của các nước đang phát triển, các lý thuyết phát triển kinh tế, các nguồn lực phát triển kinh tế, các thước đo sự tăng trưởng kinh tế, các mô hình tăng trưởng kinh tế. Từ đó giúp sinh viên phát triển khả năng nghiên cứu, phân tích và lựa chọn phương án phát triển kinh tế ở các nước đang phát triển.

**28.2. Quản trị thương hiệu 2TC**

- Điều kiện tiên quyết: Marketing căn bản

- Nội dung: Trang bị cho sinh viên những kiến thức về thương hiệu và quản trị thương hiệu, xây dựng thương hiệu, các công cụ quảng bá thương hiệu, chức năng quản trị thương hiệu, nhiệm vụ của một quản trị thương hiệu, các hoạt động quản trị phát triển thương hiệu, vai trò của quản trị thương hiệu với khách hàng, công ty và cộng đồng. Từ đó nâng cao chiến lược sản xuất kinh doanh trong môi trường cạnh tranh gay gắt hiện nay.

**29. Môn tự chọn D**

**29.1. Thị trường chứng khoán 2TC**

- Điều kiện tiên quyết: Không

- Nội dung: Môn học này nhằm cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về thị trường chứng khoán và cách thức tiến hành giao dịch trên thị trường chứng khoán chính thức. Đồng thời hướng dẫn sinh viên những phương pháp định giá chứng khoán cơ bản.

**29.2. Lý thuyết bảo hiểm 2TC**

- Điều kiện tiên quyết: Không

- Nội dung: Học phần cung cấp các khái niệm cơ bản trong lĩnh vực bảo hiểm (bảo hiểm nhân thọ và phi nhân thọ), tính toán được mức phí bảo hiểm cho từng loại hợp đồng bảo hiểm cụ thể.

**30. Quản trị nhân lực**  **3TC**

- Điều kiện tiên quyết: Không

- Nội dung: Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về Quản trị nguồn nhân lực, cụ thể các nội dung về Thiết kế và phân tích công việc; Kế hoạch hóa nguồn nhân lực; Tuyển mộ và tuyển chọn nhân lực; Bố trí nhân lực và thôi việc; Đánh giá thực hiện công việc; Đào tạo và phát triển nguồn nhân lực; Quản trị tiền lương và tiền công; Các vấn đề về thù lao và phúc lợi cho người lao động; Hợp đồng lao động; Kỷ luật lao động. Từ đó giúp sinh viên phát triển kỹ năng chuyên môn và kiến thức tổng quát về hoạt động quản trị nhân sự trong tổ chức.

**31. Quan hệ lao động 3TC**

- Điều kiện tiên quyết: Quản trị nhân lực

- Nội dung: Học phần trang bị cho sinh viên cơ sở lý luận; các vấn đề thực tiễn của quan hệ lao động Việt Nam, mối quan hệ giữa người sử dụng lao động – người lao động – Nhà nước và các kỹ năng tác nghiệp cần thiết trong quan hệ lao động.

**32. Tổ chức và định mức lao động 3TC**

- Điều kiện tiên quyết: Không

- Nội dung: Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức về tổ chức và định mức lao động trong doanh nghiệp; phân công và hiệp tác lao động trong doanh nghiệp; thiết kế và hợp lý hoá phương pháp lao động; tổ chức và phục vụ nơi làm việc; cải thiện điều kiện lao động và xây dựng chế độ làm việc nghỉ ngơi hợp lý; tổ chức lao động quản lý trong doanh nghiệp và đánh giá công tác tổ chức lao động trong doanh nghiệp.

**33. Hoạch định nguồn nhân lực 3TC**

- Điều kiện tiên quyết: Không

- Nội dung:Học phần được thiết kế nhằm giới thiệu cho sinh viên các kiến thức cơ bản hoạch định nguồn nhân lực; lợi ích của hoạch định nhân lực; quy trình hoạch định nhân lực; các phương pháp hoạch định nhân lực và tinh giản biên chế. Từ đó xác định rõ khoảng cách giữa hiện tại và định hướng tương lai về nhu cầu nhân lực của tổ chức, chủ động thấy trước được các khó khăn và tìm các biện pháp nhằm đáp ứng nhu cầu nhân lực.

**34. Tuyển chọn và sử dụng nhân lực 3TC**

- Điều kiện tiên quyết: Quản trị nhân lực

- Nội dung: Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về tuyển chọn và sử dụng nhân lực; vai trò và quyền hạn của bộ phân chuyên trách về nguồn nhân lực trong tuyển chọn và sử dụng nhân lực trong tổ chức; cách thức định hướng nhân lực, biên chế nhân lực trong nội bộ doanh nghiệp đảm bảo hợp lý và khoa học. Từ đó đưa ra được các quyết định tuyển chọn và sử dụng đúng đắn.

**35. Bài tập lớn Tuyển chọn và sử dụng nhân lực 1TC**

- Điều kiện tiên quyết: Tuyển chọn và sử dụng nhân lực

- Nội dung: Vận dụng những kiến thức cơ bản của tuyển chọn và sử dụng nhân lực vào công tác quản trị nhân lực, cụ thể: Tổ chức lập kế hoạch tuyển chọn và sử dụng nhân lực; thiết kế một quá trình tuyển chọn đầy đủ và cụ thể với các phương pháp tuyển chọn phù hợp để giúp đơn vị có thể tuyển chọn được chuyên gia nguồn nhân lực đáp ứng được yêu cầu công việc đặt ra.

**36. Quản trị thực hiện công việc 3TC**

- Điều kiện tiên quyết: Quản trị học.

- Nội dung: Học phần cung cấp các kiến thức chuyên ngành cốt lõi về phân tích công việc và quản lý thực hiện công việc trong mối quan hệ chặt chẽ với các mục tiêu chiến lược của tổ chức và các hoạt động quản trị nhân lực khác như trả lượng, đào tạo, tuyển dụng; quy trình, phương pháp đánh giá thực hiện công việc. Từ đó phát huy vai trò và trách nhiệm của các bên liên quan trong phân tích và quản lý kết quả thực hiện, nâng cao kết quả thực hiện công việc và kế hoạch phát triển cá nhân.

**37. Đào tạo nhân lực 3TC**

- Điều kiện tiên quyết: Không.

- Nội dung: Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về đào tạo nhân lực; các hình thức đào tạo, xác định nhu cầu đào tạo; đánh giá hiệu quả quá trình đào tạo.nguồn nhân lực. Nhằm phát huy, tận dụng tối đa nguồn nhân lực trong mỗi doanh nghiệp nâng cao hiệu quả kinh doanh.

**38. Quản trị tiền công, tiền lương trong doanh nghiệp 3TC**

- Điều kiện tiên quyết: Quản trị học.

- Nội dung: Học phần này cung cấp những kiến thức và kỹ năng bổ trợ cho công tác quản trị kinh doanh. Đó là những kiến thức cơ bản nhất về tiền lương tối thiểu, thang bảng lương, phụ cấp lương, tiền lương, tiền thưởng trong doanh nghiệp. Người học có thể tác động vào hệ thống tiền lương, thưởng, phụ cấp để phát huy tính kích thích tăng năng suất lao động, hiệu quả làm việc, nâng cao trình độ, kỹ năng làm việc, gắn bó và cống hiến cho doanh nghiệp,....

**39. Quản lý nhà nước về lao động 3TC**

- Điều kiện tiên quyết*:* Quản trị học.

- Nội dung: Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản và kỹ năng về quản lý lao động trên tầm quản lý Nhà nước. Thông qua việc làm rõ vai trò của Nhà nước trong quản lý lao động và các nguyên lý cơ bản về sụ can thiệp của Nhà nước trong thị trường lao động, các cơ quan đại diện, người sử dụng lao động và đại diện người lao động nhằm tạo điều kiện thiết lập mối quan hệ giữa quản lý -lao động trở nên tốt hơn trong quá trình phát triển kinh tế xã hội.

**40. Quản trị doanh nghiệp 3TC**

- Điều kiện tiên quyết: Không

- Nội dung: Học phần trang bị những kiến thức cơ bản về phương pháp luận và nghiệp vụ quản trị doanh nghiệp phù hợp với điều kiện và bối cảnh kinh doanh hiện nay. Học phần gồm các nội dung: Giới thiệu chung về quản trị doanh nghiệp (đại cương về quản trị doanh nghiệp, cấp quản trị, chức năng và lĩnh vực quản trị, cơ cấu tổ chức quản trị doanh nghiệp), Điều hành trong quản trị doanh nghiệp (hoạch định chương trình quản trị doanh nghiệp, quản trị theo mục tiêu, quản trị theo quá trình, quản trị theo kết quả). Từ đó giúp sinh viên phát triển kỹ năng chuyên môn và kiến thức tổng quát về hoạt động quản trị doanh nghiệp.

**41. Bài tập lớn Quản trị doanh nghiệp 1TC**

- Điều kiện tiên quyết: Quản trị doanh nghiệp

- Nội dung: Vận dụng những kiến thức cơ bản của quản trị doanh nghiệp vào công tác quản trị, thực hành các phần hành cụ thể sau: Tính kết quả và chi phí của doanh nghiệp theo quản trị kết quả theo mức lãi thô, ứng dụng phương thức tính mức lãi thô vào xác định giá một đơn hàng.

**42. Quản lý nguồn nhân lực 3TC**

- Điều kiện tiên quyết:Quản trị nhân lực.

- Nội dung: Học phần cũng cung cấp cho sinh viên những kiến thức cần thiết về những công tác quản trị nguồn nhân lực cụ thể như hoạch định nguồn nhân lực, phân tích công việc, tuyển dụng nhân sự, đào tạo và phát triển nguồn nhân lực, quản trị tiền lương, hệ thống đãi ngộ và quan hệ lao động trong tổ chức.

**43. Quản trị văn phòng 3TC**

- Điều kiện tiên quyết: Quản trị học.

- Nội dung: Môn học Quản trị văn phòng nhằm trang bị cho sinh viên những kiến thức cần thiết trong quá trình quản trị hoạt động hành chính trong các văn phòng, nhấn mạnh đến hành chính trong các doanh nghiệp (hành chính kinh doanh). Đồng thời qua môn học sinh viên còn được trang bị những kỹ năng cơ bản trong hoạt động nghiệp vụ văn phòng. Những kiến thức về quản trị hoạt động hành chính trong các văn phòng là nền tảng cho việc điều hành và xử lý các công việc hành chính văn phòng nhằm phục vụ mục tiêu phát triển doanh nghiệp.

**44. Quản trị chiến lược: 3TC**

- Điều kiện tiên quyết: Không

- Nội dung: Học phần cung cấp kiến thức cơ bản và phương pháp luận trong việc hoạch định và quyết định kinh doanh như: tổng quan về Quản trị chiến lược, nhiệm vụ và mục tiêu chiến lược của doanh nghiệp, phân tích môi trường kinh doanh xác định cơ hội và nguy cơ, phân tích môi trường nội bô doanh nghiệp xác định các điểm mạnh và yếu, phân tích và lựa chọn chiến lược, tổ chức thực hiện chiến lược, đánh giá chiến lược.

**45 Kinh tế lao động 2TC**

- Điều kiện tiên quyết: Không

- Nội dung: Học phần cung cấp những kiến thức cơ sở ngành cốt lõi và những ứng dụng thực tiễn để phân tích những nguyên lý kinh tế chi phối ba nhân tố trong thị trường lao động là người lao động, doanh nghiệp và chính phủ, bao gồm việc phân tích thị trường lao động, các yếu tố ảnh hưởng đến cầu lao động của doanh nghiệp cũng như các nhân tố chi phối người lao động khi tham gia cung ứng lao động trên thị trường, các yếu tố ảnh hưởng đến tiền công, mối quan hệ giữa tiền công và năng suất lao động, phân tích lợi ích và chi phí của doanh nghiệp và người lao động trong việc đào tạo lao động, các chính sách của chính phủ và tác động của các chính sách tới thị trường lao động nói chung và thị trường lao động khu vực công nói riêng.

**46. Môn tự chọn D**

**46.1. Quản trị nhóm làm việc 2TC**

- Điều kiện tiên quyết: Quản trị nhân lực.

- Nội dung: Học phần trang bị các nội dung : khái quát về nhóm làm việc và quản trị nhóm làm việc; vai trò trách nhiệm và phẩm chất của nhà quản trị nhóm làm việc ; quy trình và kỹ năng xây dựng nhóm làm việc hiệu quả; các hình thức và kỹ năng giao tiếp nhóm; lãnh đạo và động viên nhóm làm việc, các dạng xung đột nhóm và cách thức giải quyết xung đột nhóm.

**46.2. Quản trị chất lượng 2TC**

- Điều kiện tiên quyết: Không

- Nội dung: Học phần trang bị các kiến thức cơ bản, chuyên sâu mang tính cập nhật về chất lượng và quản trị chất lượng như: khách hàng và thỏa mãn khách hàng, chất lượng và vai trò của chất lượng sản phẩm, quản trị chất lượng, hệ thống quản trị chất lượng, tiêu chuẩn hóa, đảm bảo và cải tiến chất lượng, đo lường và kiểm tra chất lượng sản phẩm.

**47. Thực tập nghề nghiệp**

- Điều kiện tiên quyết : Quản trị nhân lực, quản trị doanh nghiệp

- Nội dung: Sinh viên có thời gian đi thực tập tại các Doanh nghiệp, cơ quan HCSN, các tổ chức thuộc các thành phần kinh tế nhằm mục đích:

+ Trau dồi kỹ năng giao tiếp, củng cố mối quan hệ đồng nghiệp trong môi trường làm việc thực tế.

+ Tiếp xúc, làm quen với điều kiện làm việc thực tế, làm quen với nghề nghiệp.

+ Làm quen với quản trị nhân sự, quản lý sản xuất.

+ Rèn luyện kỹ năng, kỹ xảo nghề nghiệp, tác phong nghề nghiệp

**48. Thực tập tốt nghiệp: 9TC**

- Điều kiện tiên quyết : Quản trị nhân lực, quản trị doanh nghiệp

- Nội dung: Sinh viên có thời gian đi thực tập tại các Doanh nghiệp, cơ quan HCSN, các tổ chức thuộc các thành phần kinh tế nhằm mục đích:

+ Nhằm tạo cơ hội cho sinh viên củng cố ôn luyện và tổng hợp những kiến thức đã học  trong suốt thời gian học tập tại trường.

+ Tạo điều kiện cho sinh viên biết cách ứng dụng những kiến thức đã học vào hoàn cảnh thực tế sản xuất kinh doanh. Phát huy khả năng tư duy sáng tạo, học tập cách đặt vấn đề và giải quyết vấn đề thực tế đặt ra trong quá trình thực tập tại đơn vị.

+ Nắm bắt được chức năng, tính chất, quy trình hoạt động của đơn vị thực tập, để có thể tham gia phân tích, nghiên cứu và giải quyết những vấn đề cụ thể liên quan đến ngành học.

+ Rèn luyện thói quen nghiên cứu có hệ thống và trình bày một cách khoa học những kết quả thu thập được.

**49. Khoá luận: 9TC**

- Điều kiện tiên quyết**:** Quản trị nhân lực, quản trị doanh nghiệp

- Nội dung:

+ Sinh viên phải hoàn tất một khóa luận sau thời gian thực tập. Đề tài của khóa luận tốt nghiệp phải gắn liền với việc nghiên cứu thực tiễn tại một tổ chức hoặc tại một địa bàn, được sự chấp thuận của giáo viên hướng dẫn và đơn vị thực tập.

+ Khóa luận tốt nghiệp giúp sinh viên tiếp cận tình hình hoạt động thực tế tại một tổ chức doanh nghiệp hoặc cơ quan đơn vị từ đó hình thành ý tưởng về vấn đề nghiên cứu, biết cách tổng hợp và vận dụng lý thuyết để giải quyết vấn đề quản trị nhân lực trong thực tế. Củng cố những kiến thức lý thuyết mà sinh viên đã được trang bị tại nhà trường, bổ sung thêm những kiến thức mới đang được sử dụng trong thực tế.

**50. Tiếng Việt nâng cao 1 (thay thế Tiếng Anh cơ bản 1) 2TC**

- Điều kiện tiên quyết: Không

- Nội dung: Sử dụng thành thạo các cấu trúc ngữ pháp cơ bản trong giao tiếp; Có phản xạ ngôn ngữ, ứng xử trong các tình huống giao tiếp.

**51. Tiếng Việt nâng cao 2 (thay thế Tiếng Anh cơ bản 2) 2TC**

- Điều kiện tiên quyết: Tiếng Việt nâng cao 1

- Nội dung: Sử dụng thành thạo, linh hoạt các cấu trúc ngữ pháp, cách dùng từ trong giao tiếp và trong học tập; Trình bày được những vấn đề quan tâm một cách lôgic, hệ thống và có tính thuyết phục.

**52. Văn hóa Việt Nam (thay thế Tiếng Anh chuyên ngành) 2TC**

- Điều kiện tiên quyết: Không

- Nội dung: Cung cấp những kiến thức cơ bản và có hệ thống về các đặc trưng bản sắc của văn hóa Việt Nam; Nhận biết được những nét riêng, độc đáo làm nên bản sắc văn hóa truyền thống Việt Nam và văn hóa vùng miền; Điều kiện tự nhiên và xã hội chi phối sự hình thành văn hóa Việt Nam; Cơ sở hình thành văn hóa truyền thống Việt Nam; Đặc trưng bản sắc của văn hóa truyền thống Việt Nam; Các vùng văn hóa Việt Nam

**53. Lịch sử Việt Nam (thay thế Giáo dục QP - AN) 2TC**

- Điều kiện tiên quyết: Không

- Nội dung: Cung cấp những kiến thức cơ bản và có hệ thống về Lịch sử Việt Nam từ nguyên thủy cho đến ngày nay: Quá trình dựng nước và giữ nước trong kỷ nguyên độc lập tự chủ; Quá trình hình thành, suy vong của chế độ phong kiến Việt Nam và sự xâm lược của thực dân Pháp; Thắng lợi của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ; Những thành tựu của công cuộc đổi mới của đất nước.

**8. Hướng dẫn thực hiện:**

**8.1. Kế hoạch giảng dạy (dự kiến):**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Mã HP/MĐ** | **Tên HP/MĐ** | **Loại tín chỉ** | | **Điều kiện**  **tiên quyết** | **Học kỳ** |
| **Bắt buộc** | **Tự chọn** |
| 1 | 2ML001DC | Những NLCB của chủ nghĩa Mác – Lênin | 5 |  |  | **1** |
| 2 | 2TQ001DC | Giáo dục Quốc phòng – An ninh 1 | 3 |  |  |
| 3 | 2TQ007DC | Giáo dục thể chất 1 (Bóng chuyền) | 2 |  |  |
| 4 | 2TN001DC | Nhập môn tin học | 2 |  |  |
| 5 | 1SP521DC | Nhập môn logic học | 2 |  |  |
| 6 | 2NN001DC | Tiếng anh cơ bản 1 | 2 |  |  |
|  | **Cộng HK 1** | | **16** | **0** |  |
| 7 | 2ML002DC | Tư tưởng Hồ Chí Minh | 2 |  | 2ML001DC | **2** |
| 8 | 2ML003DC | Đường lối CM của Đảng CSVN | 3 |  | 2ML001DC |
| 9 | 2TQ002DC | Giáo dục Quốc phòng – An ninh 2 | 2 |  |  |
| 10 | 2TQ008DC | Giáo dục thể chất 2 (Bóng chuyền) | 1 |  |  |
| 11 | 2DC004DC | Toán cao cấp 1 | 2 |  |  |
| 12 | 2KT001DC | Nhập môn quản trị học | 2 |  |  |
| 13 | 2NN002DC | Tiếng anh cơ bản 2 | 2 |  | 3NN001DC |
| 14 | 2ML004DC | Pháp luật đại cương | 2 |  | 2ML001DC |
|  | **Cộng HK 2** | | **16** | **0** |  |
| 15 | 2TQ002DC | Giáo dục Quốc phòng – An ninh 3 | 3 |  |  | **3** |
| 16 | 2SP003DC | Kỹ năng mềm | 2 |  |  |
| 17 | 2DC007DC | Xác suất thống kê | 2 |  | 3DC004DC |
| 18 | 3KT143DH | Tâm lý lao động | 3 |  |  |
| 19 | 3KT119CD | Lịch sử các học thuyết kinh tế | 2 |  |  |
|  |  | *Chọn 1 trong 2 học phần* |  |  |  |
| 20 | 3KT112CD | Lịch sử kinh tế quốc dân |  | 2\* |  |
| 21 | 3KT146DH | Hành vi tổ chức |  | 2\* |  |
|  | **Cộng HK 3** | | **12** | **2** |  |
| 22 | 3KT102DC | Kinh tế vi mô | 2 |  |  | **4** |
| 23 | 3KT101DH | Kinh tế vĩ mô | 2 |  |  |
| 24 | 3KT144DH | Kinh tế nguồn nhân lực | 3 |  |  |
| 25 | 3KT136DH | Văn hóa kinh doanh | 2 |  |  |
| 26 | 3KT145DH | Nguồn nhân lực | 3 |  |  |
|  |  | *Chọn 1 trong 2 học phần* |  |  |  |
| 27 | 3KT147DH | Kinh tế môi trường |  | 2\* |  |
| 28 | 3KT103CD | Marketing căn bản |  | 2\* |  |
|  |  | *Chọn 1 trong 2 học phần* |  |  |  |
| 29 | 3KT110CD | Kinh tế phát triển |  | 2\* |  |
| 30 | 3KT143CD | Quản trị thương hiệu |  | 2\* |  |
|  | **Cộng HK 4** | | **12** | **4** |  |
| 31 | 3KT148DH | Quan hệ lao động | 3 |  |  | **5** |
| 32 | 3KT149DH | Tổ chức và định mức lao động | 3 |  |  |
| 33 | 3KT208CD | Quản trị nhân lực | 3 |  |  |
| 34 | 3KT151DH | Tuyển chọn và sử dụng nhân lực | 3 |  |  |
|  | 3KT152DH | Bài tập lớn Tuyển chọn và sử dụng nhân lực | 1 |  |  |
| 35 | 3KT153DH | Quản trị thực hiện công việc | 3 |  |  |
|  |  | *Chọn 1 trong 2 học phần* |  |  |  |
| 36 | 3KT103DH | Thị trường chứng khoán |  | 2\* |  |
| 37 | 3KT105DH | Lý thuyết bảo hiểm |  | 2\* |  |
|  | **Cộng HK 5** | | **16** | **2** |  |
| 38 | 3KT154DH | Đào tạo nhân lực | 3 |  |  | **6** |
| 39 | 3KT207CD | Quản trị doanh nghiệp | 3 |  |  |
|  | 3KT207CD | Bài tập lớn Quản trị doanh nghiệp | 1 |  |  |
| 40 | 3KT155DH | Quản trị tiền công, tiền lương trong doanh nghiệp | 3 |  |  |
| 41 | 3KT150DH | Hoạch định nguồn nhân lực | 3 |  |  |
|  |  | *Chọn 1 trong 2 học phần* |  |  |  |
| 42 | 3KT159DH | Quản trị nhóm làm việc |  | 2\* |  |
| 43 | 3KT134DH | Quản trị chất lượng |  | 2\* |  |
|  | **Cộng HK 6** | | **13** | **2** |  |
| 44 | 3KT157DH | Quản Lý nguồn nhân lực | 3 |  |  | **7** |
| 45 | 3KT129DH | Quản trị chiến lược | 3 |  |  |
| 46 | 3KT139DH | Quản trị văn phòng | 3 |  |  |
| 47 | 3KT156DH | Quản lý nhà nước về lao động | 3 |  |  |
| 48 | 3KT158DH | Kinh tế lao động | 2 |  |  |
| 49 | 2NN004DC | Tiếng anh chuyên ngành Kinh tế | 2 |  | 3NN002DC |
|  | **Cộng HK 7** | | **16** | **0** |  |
| 50 | 3KT211DH | Thực tập sản xuất tại doanh nghiệp (hoặc Thực tập nghề nghiệp) | 9 |  |  | **8** |
| 51 | 3KT212DH | Thực tập tốt nghiệp | 9 |  |  |
| 52 | 3KT213DH | Đồ án/ luận văn tốt nghiệp | 7 |  |  |
|  | **Cộng HK 8** | | **25** | **0** |  |
|  | **Tổng cộng** *(không tính GDQP-AN và GDTC):* | | **126** | **10** |  |  |

**8.2. Danh sách đội ngũ giảng viên thực hiện chương trình (dự kiến):**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Học phần sẽ giảng dạy** | **Họ và tên** | **Năm sinh** | **Văn bằng cao nhất, ngành đào tạo** |
| 1 | Những Nguyên lý cơ bản của CN Mác – Lênin | Nguyễn Khắc Hải | 1965 | Th.S Triết học |
| 2 | Tư tưởng Hồ Chí Minh | Mai Thị Thanh Châu | 1979 | Th.S Lịch sử Đảng |
| 3 | Đường lối CM của Đảng CSVN | Phạm Thị Bích Ngọc | 1983 | Th.S Lịch sử Đảng |
| 4 | Giáo dục QP – AN 1 | Nguyễn Văn Luyện | 1976 | Th.S  Giáo dục thể chất |
| 5 | Giáo dục QP – AN 2 | Nguyễn Văn Luyện | 1976 | Th.S  Giáo dục thể chất |
| 6 | Giáo dục QP – AN 3 | Nguyễn Văn Luyện | 1976 | Th.S  Giáo dục thể chất |
| 7 | Giáo dục thể chất 1 | Lê Anh Thơ | 1984 | Cử nhân  GDTC-GDQP |
| 8 | Giáo dục thể chất 2 | Lê Anh Thơ | 1984 | Cử nhân  GDTC-GDQP |
| 9 | Nhập môn tin học | Hồ Ngọc Vinh | 1977 | TS CN thông tin |
| 10 | Pháp luật đại cương | Đinh Thị Nga Phượng | 1982 | Th.S Luật |
| 11 | Toán cao cấp 1 | Ngô Tất Hoạt | 1980 | TS Toán |
| 12 | Xác suất thống kê | Lê Hồng Sơn | 1979 | TS Toán |
| 13 | Nhập môn quản trị học | Nguyễn Thị Trâm | 1975 | TS Kinh tế |
| 14 | Tiếng anh cơ bản 1 | Nguyễn.T.Lan Phương | 1973 | Th.S Tiếng Anh |
| 15 | Tiếng anh cơ bản 2 | Nguyễn T. Lan Phương | 1973 | Th.S Tiếng Anh |
| 16 | Tiếng anh chuyên ngành Kinh tế | Nguyễn T. Lan Phương | 1973 | Th.S Tiếng Anh |
| 17 | Nhập môn Logic học | Cao Danh Chính | 1980 | TS Tâm lý |
| 18 | Kỹ năng mềm | Phan Thị Tâm | 1978 | TS Tâm lý |
| 19 | Kinh tế vi mô | Lê Thị Ngân  Trần Minh Đức | 1989  1980 | Ths QTKD  Ths Kế toán |
| 20 | Kinh tế vĩ mô | Nguyễn Thị Trâm  Trần Minh Đức | 1975  1980 | TS Kinh tế  Ths Kế toán |
| 21 | Tâm lý lao động | Nguyễn Thị Trâm  Nguyễn Thị Thơ | 1975  1989 | TS Kinh tế  Ths QTKD |
| 22 | Lịch sử các học thuyết kinh tế | Nguyễn Thị Trâm  Nguyễn Thị Thơ | 1975  1989 | TS Kinh tế  Ths QTKD |
| 23 | Kinh tế nguồn nhân lực | Nguyễn Thị Trâm  Nguyễn Thị Thơ | 1975  1989 | TS Kinh tế  Ths QTKD |
| 24 | Văn hóa kinh doanh | Nguyễn Thị Trâm  Nguyễn Thị Kim Oanh | 1975  1986 | TS Kinh tế  Ths Quản trị kinh doanh |
| 25 | Nguồn nhân lực | Nguyễn Thị Trâm  Nguyễn Thị Thơ | 1975  1989 | TS Kinh tế  Ths QTKD |
| 26 | Lịch sử kinh tế quốc dân | Nguyễn Thị Trâm  Nguyễn Thị Mỹ Trang | 1975  1989 | TS Kinh tế  Ths TC – NH |
| 27 | Hành vi tổ chức | Nguyễn Thị Mai Hương  Nguyễn Thị Thơ | 1989  1989 | Ths Tài chính – Ngân hàng  Ths QTKD |
| 28 | Kinh tế môi trường | Lê Thị Ngân  Chu Thị Cẩm Hà | 1989  1988 | Ths QTKD  Ths Kinh doanh và Quản lý |
| 29 | Marketing căn bản | Nguyễn Thị Mai Hương  Nguyễn Thị Thơ | 1989  1989 | Ths Tài chính – Ngân hàng  Ths QTKD |
| 30 | Kinh tế phát triển | Nguyễn Thị Mai Hương  Nguyễn Thị Thơ | 1989  1989 | Ths Tài chính – Ngân hàng  Ths QTKD |
| 31 | Quản trị thương hiệu | Nguyễn Thị Mai Hương  Nguyễn Thị Thơ | 1989  1989 | Ths Tài chính – Ngân hàng  Ths QTKD |
| 32 | Thị trường chứng khoán | Nguyễn Thị Mỹ Trang  Nguyễn Thị Mai Hương | 1988  1989 | Ths TC – NH  Ths TC – NH |
| 33 | Lý thuyết bảo hiểm | Nguyễn Thị Mỹ Trang  Nguyễn Thị Mai Hương | 1988  1989 | Ths TC – NH  Ths TC – NH |
| 34 | Quản trị nhân lực | Nguyễn Thị Trâm  Nguyễn Thị Kim Oanh | 1975  1986 | TS Kinh tế  Ths Quản trị kinh doanh |
| 35 | Quan hệ lao động | Nguyễn Thị Trâm  Nguyễn Thị Kim Oanh | 1975  1986 | TS Kinh tế  Ths Quản trị kinh doanh |
| 36 | Tổ chức và định mức lao động | Nguyễn Thị Trâm  Nguyễn Thị Kim Oanh | 1975  1986 | TS Kinh tế  Ths Quản trị kinh doanh |
| 37 | Hoạch định nguồn nhân lực | Nguyễn Thị Trâm  Nguyễn Thị Kim Oanh | 1975  1986 | TS Kinh tế  Ths Quản trị kinh doanh |
| 38 | Tuyển chọn và sử dụng nhân lực | Nguyễn Thị Trâm  Nguyễn Thị Kim Oanh | 1975  1986 | TS Kinh tế  Ths Quản trị kinh doanh |
| 39 | Bài tập lớn Tuyển chọn và sử dụng nhân lực | Nguyễn Thị Trâm  Nguyễn Thị Kim Oanh | 1975  1986 | TS Kinh tế  Ths Quản trị kinh doanh |
| 40 | Quản trị thực hiện công việc | Nguyễn Thị Trâm  Nguyễn Thị Kim Oanh | 1975  1986 | TS Kinh tế  Ths Quản trị kinh doanh |
| 41 | Đào tạo nhân lực | Nguyễn Thị Mai Hương  Nguyễn Thị Kim Oanh | 1989  1986 | Ths Tài chính – ngân hàng  Ths Quản trị kinh doanh |
| 42 | Quản trị tiền công, tiền lương trong doanh nghiệp | Nguyễn Thị Trâm  Nguyễn Thị Kim Oanh | 1975  1986 | TS Kinh tế  Ths Quản trị kinh doanh |
| 43 | Quản lý nhà nước về lao động | Nguyễn Thị Trâm  Nguyễn Thị Kim Oanh | 1975  1986 | TS Kinh tế  Ths Quản trị kinh doanh |
| 44 | Quản trị doanh nghiệp | Nguyễn Thị Trâm  Nguyễn Thị Kim Oanh | 1975  1986 | TS Kinh tế  Ths Quản trị kinh doanh |
| 45 | Bài tập lớn Quản trị doanh nghiệp | Nguyễn Thị Thơ  Nguyễn Thị Kim Oanh | 1989  1986 | Ths Quản trị kinh doanh  Ths Quản trị kinh doanh |
| 46 | Quản lý nguồn nhân lực | Nguyễn Thị Trâm  Nguyễn Thị Kim Oanh | 1975  1986 | TS Kinh tế  Ths Quản trị kinh doanh |
| 47 | Quản trị văn phòng | Nguyễn Thị Trâm  Nguyễn T. Mai Hương | 1975  1989 | TS Kinh tế  Ths TC – NH |
| 48 | Quản trị chiến lược | Nguyễn Thị Kim Oanh  Nguyễn Thị Thơ | 1986  1989 | Ths Quản trị kinh doanh  Ths Quản trị kinh doanh |
| 49 | Kinh tế lao động | Nguyễn Thị Trâm  Nguyễn Thị Thơ | 1975  1989 | TS Kinh tế  Ths QTKD |
| 50 | Tiếng Việt nâng cao 1 *(thay thế Tiếng Anh cơ bản 1)* | Nguyễn Thị Hồng Thơm | 1979 | ThS. Tâm lý |
| 51 | Tiếng Việt nâng cao 2 *(thay thế Tiếng Anh cơ bản 2)* | Lê Trọng Phong | 1979 | ThS. Tâm lý |
| 52 | Văn hóa Việt Nam *(thay thế Tiếng Anh chuyên ngành Kinh tế)* | Nguyễn Công An | 1977 | ThS. Triết học |
| 53 | Lịch sử Việt Nam *(thay thế Giáo dục QP – AN)* | Phạm Thị Bích Ngọc | 1983 | Th.S Lịch sử Đảng |

**8.3. Cở sở vật chất phục vụ học tập.**

*(Liệt kê tên các phòng thí nghiệm, phòng thực hành, xưởng thực tập tối thiểu cần thiết để thực hiện chương trình)*

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Phòng thí nghiệm, thực hành, xưởng thực tập** | **Đơn vị quản lý** | **Ghi chú** |
| 1 | Phòng 411A2 | Khoa kinh tế |  |
| 2 | Phòng 305A3 | Khoa kinh tế |  |
| 3 | Phòng 506A3 | Khoa kinh tế |  |

**8.4. Hướng dẫn thực hiện chương trình.**

+ Tiếp cận xây dựng chương trình;

- Căn cứ vào các văn bản hiện hành của Nhà nước, các Bộ ngành liên quan đến việc xây dựng, chỉnh sửa và bổ sung chương trình đào tạo;

- Chương trình được phát triển trên cơ sở kế thừa chương trình đào tạo bậc học đại học hiện hành của Trường, đồng thời tham khảo chương trình đào tạo theo hệ thống tín chỉ của các trường đại học ở Việt Nam cũng như bám sát nhu cầu thực tế của người học và người sử dụng lao động.

- Chương trình được xây dựng trên cơ sở thúc đẩy việc đổi mới phương pháp giảng dạy theo hướng tăng cường thời lượng tự học, tự nghiên cứu của sinh viên quan tâm nhiều đến kỹ năng thực hành của sinh viên;

- Chương trình các học phần chuyên ngành sẽ được đánh giá, xem xét lại hàng năm nhằm phát hiện những hạn chế để kịp thời bổ sung, sửa đổi;

+ Hướng dẫn triển khai các học phần/mô đun tự chọn; các học phần/mô đun sinh viên cần tự bổ sung để đạt chuẩn đầu ra;

+ Hướng dẫn thực hiện các học phần đặc thù (thực tập tốt nghiệp, thực tập sản xuất, đồ án/ luận văn tốt nghiệp, tiểu luận tốt nghiệp ….);

- Quá trình thực tập nghề nghiệp, thực tập tốt nghiệp do đặc trưng của ngành nghề, giảng viên sẽ hướng dẫn phần thực tập cơ bản, sinh viên tự liên hệ địa điểm thực tập là các doanh nghiệp, tổ chức kinh tế, cơ quan hành chính sự nghiệp với số lượng tối đa không vượt quá 2 sinh viên/cơ sở thực tập. Hết thời gian yêu cầu, sinh viên phải viết báo cáo thực tập, xin ý kiến nhận xét của cơ sở, trình bày báo cáo và sản phẩm có được trước hội đồng./.

- Những sinh viên không đủ điều kiện để được giao làm luận văn tốt nghiệp sẽ thực hiện làm tiểu luận tốt nghiệp theo sự hướng dẫn của giáo viên.

+ Hướng dẫn tổ chức đào tạo, trọng tâm của chương trình; phương pháp dạy học và kiểm tra - đánh giá kết quả học tập;

- Việc vận dụng kế hoạch giảng dạy dự kiến để xây dựng kế hoạch đào tạo cụ thể cho từng khóa có thể linh động, đảm bảo phù hợp với kế hoạch đào tạo chung của Nhà trường nhưng vẫn phải đảm bảo điều kiện tiên quyết của các học phần cụ thể;

- Việc bố trí giảng viên giảng dạy các học phần trên cơ sở chuyên môn, trình độ của các giảng viên, có thể thay đổi nhưng cần phù hợp với tính chất học phần được phân công giảng dạy.

- Các môn Giáo dục thể chất và Giáo dục quốc phòng – an ninh cũng học theo học chế tín chỉ nhưng được cấp chứng chỉ riêng, không tính điểm trong điểm trung bình chung cuối khóa.

- Mỗi học phần có trong chương trình cần thực hiện một số bài kiểm tra ít nhất là bằng số tín chỉ của học phần đó. Trong chương trình mô-đun, kết thúc mỗi bài học cần có ít nhất một bài kiểm tra.

+ Hướng dẫn xây dựng đề cương chi tiết cho các học phần/mô đun./.

- Đề cương chi tiết học phần lí thuyết được thực hiện theo mẫu *Phụ lục 3b*; Đề cương chi tiết Môđun theo mẫu *Phụ lục 3c*.

- Trong đề cương chi tiết, cách ghi nội dung Phân bổ thời gian” được ghi cụ thể với cách quy đổi: 1 tín chỉ được quy đổi bằng 15 giờ học lí thuyết và 30 giờ tự học, chuẩn bị cá nhân có hướng dẫn hoặc bằng 30 giờ thực hành, thí nghiệm, thảo luận và 15 giờ tự học, chuẩn bị cá nhân có hướng dẫn hoặc bằng 45 giờ thực tập tại cơ sở, làm tiểu luận, bài tập lớn, đồ án, khóa luận tốt nghiệp. Thời gian tự học, chuẩn bị cá nhân có hướng dẫn là điều kiện để người học tiếp thu kiến thức, kỹ năng nhưng không quy đổi ra giờ tín chỉ trong chương trình.

|  |  |
| --- | --- |
|  | *Nghệ An, ngày tháng năm 2018*  **HIỆU TRƯỞNG** |